

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	[7] - [10]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[11]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	[12]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	[13] - [37]

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

2. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Huy Cương	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Mạnh Tuyển	Thành viên
- Bà Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Thuyết	Thành viên
- Ông Phạm Văn Diễn	Thành viên

Thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Huy Cương	Giám đốc
- Ông Phạm Văn Bổng	Phó Giám đốc
- Ông Trần Việt Đức	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Mạnh Tuyển	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Công ty có chi nhánh như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty Đầu tư Phát triển Thành Đạt - Chi nhánh Duy Tiên	Thôn Dỹ Phó, xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty cho rằng, ngoài các sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số 8.5, không còn có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 31 tháng 05 năm 2017

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN HUY CƯƠNG

Số: 85 /2017/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được lập ngày 31 tháng 05 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam




Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1



Nguyễn Thị Huế
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2493-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.079.267.091	159.991.380.935
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.628.366.819	25.327.328.902
1. Tiền	111		14.628.366.819	25.327.328.902
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		296.292.354.866	67.397.647.532
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	96.087.199.813	60.029.808.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	24.742.677.016	7.367.838.777
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	173.000.000.000	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	2.462.478.037	-
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.5	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	86.595.823.378	65.901.017.262
1. Hàng tồn kho	141		86.595.823.378	65.901.017.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.562.722.028	1.365.387.239
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	7.132.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.562.722.028	1.358.255.239
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.953.740.525	108.495.958.311
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	67.742.815.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	67.742.815.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.5	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
II. Tài sản cố định	220		54.847.145.594	39.378.006.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	54.847.145.594	39.378.006.277
- Nguyên giá	222		84.017.788.509	58.855.504.694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.170.642.915)	(19.477.498.417)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	13.230.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.230.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.876.594.931	1.375.137.034
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	5.876.594.931	1.375.137.034
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		473.033.007.616	268.487.339.246

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		254.348.138.651	142.897.510.239
I. Nợ ngắn hạn	310		247.894.638.651	63.713.510.239
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	39.856.698.710	31.191.975.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	140.546.396.982	245.836.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	4.191.542.959	485.160.471
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	300.000.000	120.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	63.000.000.000	31.670.537.775
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.453.500.000	79.184.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		2.191.500.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		4.262.000.000	79.184.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		218.684.868.965	125.589.829.007
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	218.684.868.965	125.589.829.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		18.684.868.965	5.589.829.007
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.589.829.007	5.463.543.004
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.095.039.958	126.286.003
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		473.033.007.616	268.487.339.246

Hà Nam, ngày 31 tháng 05 năm 2017

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Tuyên

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND
Từ ngày 27/11/2015
đến ngày
31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	279.959.605.320	31.285.956.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		279.959.605.320	31.285.956.980
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	254.435.083.995	29.446.083.700
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.524.521.325	1.839.873.280
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2.376.779.979	10.599.376
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.154.862.723	115.659.919
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.154.862.723	115.659.919
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	9.065.453.274	1.556.322.118
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.680.985.308	178.490.619
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	-
12. Chi phí khác	32	6.7	215.655.942	12.936.680
13. Lợi nhuận khác	40		(215.655.942)	(12.936.680)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.465.329.366	165.553.939
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	3.370.289.408	39.267.936
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.095.039.958	126.286.003
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		776	14
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Hà Nam, ngày 31 tháng 05 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Đinh Thị Phương Thảo

Nguyễn Mạnh Tuyên

Nguyễn Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Từ ngày

27/11/2015 đến

ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	472.428.193.942	31.867.555.232
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(294.331.580.176)	(41.504.219.148)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.655.860.451)	(3.499.861.808)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.176.354.690)	(115.659.919)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(497.615.236)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	85.627.411	1.368.778.626
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.738.331.272)	(1.690.965.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	164.114.079.528	(13.574.372.264)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.162.283.815)	(3.784.004.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(173.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.421.500.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.191.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	171.779.979	10.599.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(211.220.503.836)	(3.773.405.170)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	80.000.000.000	30.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	63.250.000.000	17.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(106.842.537.775)	(16.168.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.407.462.225	31.332.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.698.962.083)	13.984.222.566
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.327.328.902	11.343.106.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.628.366.819	25.327.328.902

Hà Nam, ngày 31 tháng 05 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Đinh Thị Phương Thảo

Nguyễn Mạnh Tuyển

Nguyễn Huy Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, cung cấp nước sạch và bán bê tông thương phẩm.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, xây lắp và chuyển giao trạm cấp nước sinh hoạt, thi công sàn nhà công nghiệp, thi công phòng chống và xử lý môi, một các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất và dựng lắp khung nhà vì kèo sắt thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, hàng điện tử; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất lắp đặt các thiết bị xử lý nước mặt và nước ngầm;
- Vận tải hành khách du lịch, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	19 năm
Máy móc thiết bị	02- 08 năm
Phương tiện vận tải	06- 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Tài sản khác	02- 05 năm

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác, chi phí cấp quyền khai thác mỏ cát. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí lãi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí lãi vay.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.13. Doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 và Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp- kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: xây dựng công trình, bê tông thương phẩm,...

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nam, Hòa Bình, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt	2.694.779.119	840.505.090
Tiền gửi ngân hàng	11.933.587.700	24.486.823.812
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	14.628.366.819	25.327.328.902

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	96.087.199.813	60.029.808.755
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	35.450.000.000	-
- Ban QLDA Thanh Liêm - Hạ tầng xung quanh Bệnh viện Bạch Mai	10.150.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III, tỉnh Hà Nam	25.300.000.000	
Phải thu khách hàng khác	60.637.199.813	60.029.808.755
Cộng	96.087.199.813	60.029.808.755
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
- Ban quản lý Dự án huyện Duy Tiên - Sân nền Bệnh viện Bạch Mai		67.742.815.000
Cộng	-	67.742.815.000
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TVT	4.802.005.000	
- Công ty Cổ phần Bảo Chung	2.995.135.000	
- Công ty TNHH VTXD & TM Trường Giang Hà Nam	7.590.212.000	
- Các công ty khác	9.355.325.016	7.367.838.777
Cộng	24.742.677.016	7.367.838.777

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4 Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.462.478.037			
- Phải thu khác	2.295.000.000			
<i>Chi tiết:</i>				
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Mỏ Địa Chất	90.000.000			
+ Lãi cho vay phải thu (ông Nguyễn Huy Cường)	2.205.000.000			
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cước	167.478.037			
- Phải thu về cho vay	173.000.000.000			
+ Ông Nguyễn Huy Cường (*)	110.000.000.000			
+ Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Phủ Lý (**)	63.000.000.000			
Cộng	175.462.478.037			

b) Dài hạn

(*) Cho ông Nguyễn Huy Cường vay theo Hợp đồng vay số 31.08/2016/HĐVV ngày 31 tháng 8 năm 2016, số tiền 37,5 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 0,7%/ tháng, tài sản cầm cố là sổ tiết kiệm mang tên Ông Nguyễn Huy Cường.

(*) Cho ông Nguyễn Huy Cường vay theo Hợp đồng vay số 30.09/2016/HĐVV ngày 30 tháng 9 năm 2016, số tiền 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 0,7%/ tháng, tài sản cầm cố là sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Huy Cường.

(*) Cho ông Nguyễn Huy Cường vay theo Hợp đồng vay số 31.10/2016/HĐVV ngày 31 tháng 10 năm 2016, số tiền 52,5 tỷ đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay 0,7%/ tháng, tài sản cầm cố là sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Huy Cường.

(**) Cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Phủ Lý vay theo Công văn số 227/TTPTQĐ ngày 15 tháng 11 năm 2016, số tiền 63 tỷ đồng.

5.5 Nợ xấu

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.110.967.731		1.601.324.653	
Công cụ, dụng cụ	198.082.898		458.814.340	
Chi phí SXKD dở dang	85.283.012.103		63.840.878.269	
Thành phẩm nhập kho	3.760.646		-	
Cộng	86.595.823.378		65.901.017.262	

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	5.876.594.931	1.375.137.034
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	150.320.104
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.493.594.931	1.224.816.930
- Chi phí cấp quyền khai thác cát	4.383.000.000	
Cộng	5.876.594.931	1.375.137.034

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

5.9 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị hợp lý (*)
	Dự phòng	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
- Đầu tư vào Công ty con	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	13.230.000.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thanh Tân	13.230.000.000	-
- chiếm tỷ lệ 49% (i)	-	-
Cộng	13.230.000.000	-

(i) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 05/2016/DTD-HĐCNCP ngày 24 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt và bà Nguyễn Thị Nga về việc chuyển nhượng 1.323.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thanh Tân.

(*) Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.1.iv - Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

5.10 Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.138.050.205	24.245.823.547	27.907.506.819	600.000.000	3.964.124.123	58.855.504.694
Tăng trong năm		15.945.798.359	8.894.554.547	162.321.818	159.609.091	25.162.283.815
- Mua trong năm		15.945.798.359	8.894.554.547	162.321.818	159.609.091	25.162.283.815
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
Giảm trong năm						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	2.138.050.205	40.191.621.906	36.802.061.366	762.321.818	4.123.733.214	84.017.788.509
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	645.267.406	8.821.889.843	6.607.063.572	160.000.000	3.243.277.596	19.477.498.417
Tăng trong năm	115.570.284	4.776.945.921	4.201.028.354	120.000.000	479.599.939	9.693.144.498
- Số khấu hao trong năm	115.570.284	4.776.945.921	4.201.028.354	120.000.000	479.599.939	9.693.144.498
Giảm trong năm						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	760.837.690	13.598.835.764	10.808.091.926	280.000.000	3.722.877.535	29.170.642.915
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.492.782.799	15.423.933.704	21.300.443.247	440.000.000	720.846.527	39.378.006.277
2. Tại ngày cuối năm	1.377.212.515	26.592.786.142	25.993.969.440	482.321.818	400.855.679	54.847.145.594

Trong đó nguyên giá tài sản:

- Thẻ chấp, cầm cố: 12.224.609.090 VND

- Đã khấu hao hết, đang sử dụng: 2.032.382.903 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị
a) Vay ngắn hạn	63.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000	28.670.537.775	28.670.537.775
Vay ngân hàng VND	63.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000	28.670.537.775	28.670.537.775
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam (i)	63.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000	28.670.537.775	28.670.537.775
b) Vay dài hạn	4.262.000.000	4.262.000.000	250.000.000	78.172.000.000	82.184.000.000
Ông Nguyễn Huy Cương	-	-	-	69.500.000.000	69.500.000.000
Ông Dương Văn Huỳnh	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Đào Thu Hà	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Tuyển (iv)	250.000.000	250.000.000	250.000.000	-	-
Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nam (iii)	1.012.000.000	1.012.000.000	672.000.000	1.684.000.000	1.684.000.000
Cộng	67.262.000.000	67.262.000.000	63.250.000.000	106.842.537.775	110.854.537.775

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay như sau:

Đối tượng	Số hợp đồng và ngày hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam (i)	01/2016- HĐTĐ/NHCT384- THANHDAT ngày 16/11/2016	20.000.000.000	03 tháng	6,5%/năm	Phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thuộc quy hoạch Cụm CN Kien Khê I mở rộng theo đề nghị của UBND Thành phố Phủ Lý	Bằng tài sản của công ty và của bên thứ ba
	02/2016- HĐTĐ/NHCT384- THANHDAT ngày 17/11/2016	30.000.000.000	03 tháng	6,5%/năm		Bằng tài sản của công ty và của bên thứ ba
	03/2016- HĐTĐ/NHCT384- THANHDAT ngày 18/11/2016	13.000.000.000	03 tháng	7,0%/năm		Bằng tài sản của công ty và của bên thứ ba
Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm (ii)	2901LAV/20150602 3 ngày 29/12/2015	3.000.000.000	48 tháng	9,6%/năm	Thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng kinh tế số 2812-01/VI MID- TĐ/HĐKT/2015	Bằng tài sản của công ty và của bên thứ ba
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nam (iii)	143/2015/CVTL/HN A ngày 02/07/2015	2.020.000.000	36 tháng	7,22%/năm	Thanh toán một phần chi phí mua 02 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu Shacman	3 ô tô nhãn hiệu Shacman biển kiểm soát 90C038.88; 90C-037.68; 90C-039.64
Ông Nguyễn Mạnh Tuyển (iv)	01.11/2016/HĐVV ngày 01/11/2016	250.000.000	18 tháng	0%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	39.856.698.710	39.856.698.710	31.191.975.393	31.191.975.393
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	7.193.504.230	7.193.504.230	5.635.313.900	5.635.313.900
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	7.193.504.230	7.193.504.230	5.635.313.900	5.635.313.900
Các khoản phải trả người bán khác	32.663.194.480	32.663.194.480	25.556.661.493	25.556.661.493
Cộng	39.856.698.710	39.856.698.710	31.191.975.393	31.191.975.393

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai - HTKT	45.897.600.000	-
- Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT	43.733.700.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	50.915.096.982	245.836.600
Cộng	140.546.396.982	245.836.600

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	-	169.944.976	-	169.944.976
- Thuế TNDN	467.268.011	3.370.289.408	497.615.236	3.339.942.183
- Thuế TNCN	-	3.017.911	3.017.911	-
- Thuế Tài nguyên	-	1.262.757.189	861.783.189	400.974.000
- Các loại thuế khác	17.892.460	1.021.244.710	758.455.370	280.681.800
Cộng	485.160.471	5.827.254.194	2.120.871.706	4.191.542.959
b) Phải thu				
- Thuế GTGT nộp thừa	1.358.255.239	27.937.412.198	28.133.344.326	1.554.187.367
- Phí Bảo vệ tài nguyên môi trường	-	-	8.534.661	8.534.661
Cộng	1.358.255.239	27.937.412.198	28.141.878.987	1.562.722.028

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a) Ngắn hạn	300.000.000	120.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	300.000.000	120.000.000
Cộng	300.000.000	120.000.000

5.16 Các khoản phải trả khác

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
b) Dài hạn		
- Phải trả dài hạn khác (*)	2.191.500.000	-
Công ty Cổ phần Cát Đại Lợi	2.191.500.000	-
Cộng	2.191.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 12/2016/HĐHTKD ngày 12 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt, Công ty Cổ phần Cát Đại Lợi, Công ty TNHH Đồng Phát về việc hợp tác kinh doanh khai thác mỏ cát B.4.1 thuộc xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, Hà Nam. Tỷ lệ vốn góp: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt 40%, Công ty Cổ phần Cát Đại Lợi 45%, Công ty TNHH Đồng Phát 15%. Đến ngày 31/12/2016, số tiền Công ty TNHH Đồng Phát góp là 0 VND.

5.17 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000		5.463.543.004	95.463.543.004
Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000			30.000.000.000
Lãi trong năm trước			126.286.003	126.286.003
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước				-
Giảm khác				-
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000		5.589.829.007	125.589.829.007
Tăng vốn trong năm (i)	80.000.000.000			80.000.000.000
Lãi trong năm			13.095.039.958	13.095.039.958
Tăng khác				-
Lỗ trong năm				-
Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	200.000.000.000		18.684.868.965	218.684.868.965

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 (lần 1) số 01/2016/DTD/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2016 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/2016/DTD/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt, Công ty tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng cụ thể như sau:

Họ và tên cổ đông	Số tiền	Hình thức góp vốn
- Ông Nguyễn Huy Cương	25.000.000.000	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng
- Bà Nguyễn Thanh Tâm	26.500.000.000	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng
- Ông Nguyễn Mạnh Tuyển	9.000.000.000	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng
- Ông Nguyễn Hữu Thuyết	15.500.000.000	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng
- Ông Phạm Văn Diễn	4.000.000.000	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng
Cộng	80.000.000.000	

Công ty đã dùng vốn góp này để:

- Mua cổ phần	13.230.000.000
- Nộp tiền cấp quyền khai thác	4.000.000.000
- Trả nợ vay cá nhân	10.000.000.000
- Bổ sung vốn lưu động	52.770.000.000
Tổng cộng	80.000.000.000

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của các đối tượng khác	200.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	120.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015
	(VND)	(VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	80.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ phiếu		
	31/12/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm 2016	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	13.095.039.958	126.286.003
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	16.869.068	9.000.000
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	776	14
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Các quỹ của doanh nghiệp		
	31/12/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cộng	-	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán bê tông	76.953.244.643	7.855.903.841
- Doanh thu xây lắp	195.849.798.184	23.290.706.148
- Doanh thu bán hàng hóa khác	7.156.562.493	139.346.991
Cộng	279.959.605.320	31.285.956.980
Doanh thu các bên liên quan	-	-
Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	-	-

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 (VND)	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 (VND)
- Giá vốn bán bê tông	69.937.251.276	7.393.911.658
- Giá vốn xây lắp	177.993.749.471	21.921.019.808
- Giá vốn dịch vụ khác	6.504.083.248	131.152.234
Cộng	254.435.083.995	29.446.083.700

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 (VND)	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 (VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	2.376.779.979	10.599.376
Cộng	2.376.779.979	10.599.376

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2016 (VND)	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 (VND)
Lãi tiền vay	2.154.862.723	115.659.919
Cộng	2.154.862.723	115.659.919

6.6 Thu nhập khác

6.7 Chi phí khác

	Năm 2016 (VND)	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 (VND)
Các khoản chi phí khác	215.655.942	12.936.680
Cộng	215.655.942	12.936.680

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 (VND)	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 (VND)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:	9.065.453.274	1.556.322.118
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	2.476.508.945	1.017.697.704
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	1.026.456.687	634.404.030
<i>Chi phí nhân công</i>	1.450.052.258	383.293.674
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.588.944.328	538.624.414
Cộng	9.065.453.274	1.556.322.118

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 (VND)	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.617.416.655	13.146.253.387
Chi phí nhân công	65.672.477.597	3.499.861.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.693.144.498	634.404.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.612.207.863	3.206.827.402
Chi phí bằng tiền khác	10.307.186.212	306.913.007
Cộng	288.902.432.825	20.794.259.634

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 (VND)	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.465.329.366	165.553.939
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	386.117.672	12.936.680
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	386.117.672	12.936.680
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	
Thu nhập chịu thuế	16.851.447.038	178.490.619
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.370.289.408	39.267.936

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2016			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.628.366.819		14.628.366.819
Phải thu khách hàng	96.087.199.813		96.087.199.813
Đầu tư	-	13.230.000.000	13.230.000.000
Phải thu khác, phải thu về cho vay	175.462.478.037	-	175.462.478.037
Tài sản tài chính khác			-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
Tổng cộng	286.178.044.669	13.230.000.000	299.408.044.669
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Các khoản vay và nợ	63.000.000.000		63.000.000.000
Phải trả người bán	39.856.698.710		39.856.698.710
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	-	2.191.500.000	2.191.500.000
Tổng cộng	102.856.698.710	2.191.500.000	105.048.198.710
Chênh lệch thanh khoản thuần	183.321.345.959	11.038.500.000	194.359.845.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 01/01/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.327.328.902		25.327.328.902
Phải thu khách hàng	60.029.808.755		60.029.808.755
Đầu tư		-	-
Phải thu khác	-	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
Tổng cộng	85.357.137.657	-	85.357.137.657
Ngày 01/01/2016			
Các khoản vay và nợ	31.670.537.775		31.670.537.775
Phải trả người bán	31.191.975.393		31.191.975.393
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	62.862.513.168	-	62.862.513.168
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.494.624.489	-	22.494.624.489

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Đơn vị tính: VND
	31/12/2016	01/01/2016	
Tài sản tài chính			
Các khoản đầu tư	13.230.000.000	13.230.000.000	
Các khoản cho vay và phải thu	173.000.000.000	173.000.000.000	
<i>Phải thu khách hàng và phải thu khác</i>	98.549.677.850	60.029.808.755	60.029.808.755
<i>Tài sản tài chính khác</i>			
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.628.366.819	25.327.328.902	25.327.328.902
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
Tổng cộng	299.408.044.669	85.357.137.657	85.357.137.657
Nợ phải trả tài chính			
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	63.000.000.000	31.670.537.775	31.670.537.775
<i>Phải trả người bán</i>	39.856.698.710	31.191.975.393	31.191.975.393
<i>Phải trả khác</i>	-	-	-
Tổng cộng	102.856.698.710	62.862.513.168	62.862.513.168

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.2 Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực bán bê tông thương phẩm; lĩnh vực xây dựng cơ bản, các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

Đơn vị tính : VND

Mẫu số B09 - DN

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Bán bê tông	Hợp đồng xây dựng	Bán hàng hóa khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	76.953.244.643	195.849.798.184	7.156.562.493	279.959.605.320
Giá vốn hàng bán	69.937.251.276	177.993.749.471	6.504.083.248	254.435.083.995
Lợi nhuận gộp	7.015.993.367	17.856.048.713	652.479.245	25.524.521.325

Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Bán bê tông	Hợp đồng xây dựng	Bán hàng hóa khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	7.855.903.841	23.290.706.148	139.346.991	31.285.956.980
Giá vốn hàng bán	7.393.911.658	21.921.019.808	131.152.234	29.446.083.700
Lợi nhuận gộp	461.992.183	1.369.686.340	139.346.991	1.839.873.280

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Bán bê tông	Hợp đồng xây dựng	Dịch vụ	TỔNG CỘNG
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.015.656.366	145.107.653.932	5.302.389.909	207.425.700.207
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				265.607.307.409
Tổng tài sản				473.033.007.616
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				180.403.095.692
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				73.945.042.959
Tổng nợ phải trả				254.348.138.651
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	33.471.294.914	99.233.660.445	593.709.435	133.298.664.794
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				135.188.674.452
Tổng tài sản				268.487.339.246
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	23.403.754.008	7.894.034.635	140.023.360	31.437.811.993
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				111.459.698.246
Tổng nợ phải trả				142.897.510.239

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm 2016

Mẫu số B09 - DN

Chỉ tiêu	Hòa Bình	Hà Nam	Hà Nội	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	20.344.140.000	259.615.465.320			279.959.605.320
Tài sản bộ phận	3.280.377.971	41.861.531.305	-	-	45.141.909.276
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					25.162.283.815

Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Hòa Bình	Hà Nam	Hà Nội	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	2.809.067.273	23.160.898.585	1.138.902.112	4.177.089.010	31.285.956.980
Tài sản bộ phận	3.535.626.824	29.151.418.013	1.433.476.833	5.257.484.608	39.378.006.278
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 (lần 1) số 01/2016/DTD/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2016 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/2016/DTD/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt, Công ty tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng. Số tiền tăng vốn trên được sử dụng như sau:

Tên đơn vị thụ hưởng	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thanh Tân	Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thanh Tân	13.230.000.000
Kho bạc nhà nước Thanh Liêm - Hà Nam	Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Mỏ cát	4.000.000.000
Ông: Dương Văn Huynh	Trả nợ vay cá nhân theo hợp đồng số 08.08.15/HĐVV ngày 08/08/2015	5.000.000.000
Bà Đào Thu Hà	Trả nợ vay cá nhân theo hợp đồng số 29.09.15/HĐVV ngày 29/09/2015	3.000.000.000
Ông: Nguyễn Huy Cương	Trả nợ vay cá nhân theo hợp đồng số 15.07.14/HĐVV ngày 15/07/2014	2.000.000.000
Các nhà cung cấp	Bổ sung vốn lưu động	52.770.000.000
Tổng cộng		80.000.000.000

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Đến ngày 23 tháng 5 năm 2017, ông Nguyễn Huy Cương đã hoàn trả khoản vay 110 tỷ đồng cho Công ty.

8.6 Thông tin về các bên liên quanCác bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Huy Cương		Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuyển		Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các giao dịch của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VNĐ
	Cho vay cá nhân	110.000.000.000
Ông Nguyễn Huy Cương	Công ty trả tiền vay	69.500.000.000
	Phải thu về lãi cho vay cá nhân	2.205.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Tuyển	Cho công ty vay	250.000.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Số tiền VNĐ
Ông Nguyễn Huy Cương	Phải thu về cho vay cá nhân	110.000.000.000
	Phải thu về lãi cho vay cá nhân	2.205.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Tuyển	Cho Công ty vay	250.000.000

Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2016	
		(VNĐ)	Từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 (VNĐ)
Ông Nguyễn Huy Cương	Giám đốc	170.146.708	13.208.070
Ông Nguyễn Mạnh Tuyển	Kế toán trưởng	139.473.083	10.122.291

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 27/11/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP



Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Tuyển

Hà Nam, ngày 31 tháng 05 năm 2017



Nguyễn Huy Cường

